

Phụ lục 01

TỔNG HỢP NHU CẦU CẦN HỖ TRỢ NHÀ Ở

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 4/2025 của UBND huyện Trà Bồng)

	Nội dung	NHU CẦU NHÀ CẦN HỖ TRỢ									Ghi chú
		Tổng số hộ	Xây mới nhà ở	Trong đó: HDTTS	Trong đó:		Sửa chữa nhà ở	Trong đó: HDTTS	Trong đó:		
					Hộ nghèo	Hộ cận nghèo			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	
A	B	I	2	2.1	3	4	5	5.1	6	7	8
A	TỔNG CỘNG 04 CHƯƠNG TRÌNH (I+II+III+IV)	2.059	1.662	992	1.251	407	397	255	157	240	0
B	CHI TIẾT TỪNG CHƯƠNG TRÌNH										
I	Nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1.242	886	228	507	379	356	229	152	204	
II	Nhà ở thuộc Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS và MN	523	523	523	523						
III	Nhà ở thuộc Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công cách mạng và thân nhân liệt sĩ	123	89	85	85		34	20		34	
IV	Nhà ở thuộc Chương trình xóa nhà tạm nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	171	164	156	136	28	7	6	5	2	
	Tổng cộng	2.059	1.662	992	1.251	407	397	255	157	240	0

Phụ lục 02

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỖ TRỢ NHÀ Ở

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 4/2025 của UBND huyện Trà Bồng)

TT	Nội dung	Nhà đã hoàn thành										Nhà đang thi công										Tổng nhà hoàn thành và nhà đang thi công	Tỷ lệ nhà hiện đang triển khai trên địa bàn/số nhà nhu cầu cần hỗ trợ
		Tổng số hộ hoàn thành	Xây mới nhà ở	Trong đó: Hộ DTTS	Trong đó:		Sửa chữa nhà ở	Trong đó: Hộ DTTS	Trong đó:		Đang thi công	Xây mới nhà ở	Trong đó: Hộ DTTS	Trong đó:		Sửa chữa nhà ở	Trong đó: Hộ DTTS	Trong đó:					
					Hộ nghèo	Hộ cận nghèo			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo				Hộ nghèo	Hộ cận nghèo			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo				
A	B	$I = 2 + 5$	$2 = 3 + 4$	2.1	3	4	$5 = 5 + 6$	5.1	6	7	$8 = 9 + 12$	$9 = 10 + 11$	9.1	10	11	$12 = 13 + 14$	12.1	13	14	$15 = 1 + 8$	15/1 (phụ lục 01)		
A	TỔNG CỘNG 04 CHƯƠNG TRÌNH (I+II+III+IV)	111	41	41	33	8	70	8	11	59	543	468	447	398	70	75	53	33	42	654	31,76		
B	CHI TIẾT TỪNG CHƯƠNG TRÌNH																						
I	Nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	59	8	4	4	4	51	2	11	40	212	149	136	100	49	63	42	28	35	271	21,82		
II	Nhà ở thuộc Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS và MN	5	5	5	5		0				137	137	137	137		0				142	27,15		
III	Nhà ở thuộc Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công cách mạng và thân nhân liệt sĩ	26	7	13	7		19	6		19	68	63	59	63		5	4		5	94	76,42		
IV	Nhà ở thuộc Chương trình xóa nhà tạm nhà dột nát	21	21	19	17	4					126	119	115	98	21	7	7	5	2	147	85,96		
	Tổng cộng	111	41	41	33	8	70	8	11	59	543	468	447	398	70	75	53	33	42	654	31,76		

Phụ lục 03
KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC
0

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	02 Chương trình MTQG và Nhà ở cho NCC								Chương trình nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo								
		Tổng kinh phí	Trong đó:					Huy động ngày công (công)	Nguồn lực hỗ trợ khác (xi- măng, sắt, thép qui ra giá trị tiền)	Tổng kinh phí	Trong đó:					Đóng góp hộ gia đình	Huy động ngày công (công)	Nguồn lực hỗ trợ khác (xi- măng, sắt, thép qui ra giá trị tiền)
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Đóng góp hộ gia đình	Huy động xã hội hóa				Nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024			Nguồn huy động				
											NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Huy động (TW và tỉnh)	Huy động huyện, xã			
A	B	I=2+3 +4+5+ 6	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11 +12+13+ 14	10	11	12	13	14	15	16	17
	CHI TIẾT TỪNG CHƯƠNG TRÌNH																	
I	Nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững																	
II	Nhà ở thuộc Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS và MN	31.380	20.931	2.093	1.034		7.322		3.127									
III	Nhà ở thuộc Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công cách mạng và thân nhân liệt sĩ	6.360	5.088	1.272														
IV	Nhà ở thuộc Chương trình xóa nhà tạm nhà dột nát									10.050		8.738	1.312					
	Tổng cộng	37.740	26.019	3.365	1.034	0	7.322	0	3.127	10.050	0	8.738	1.312	0	0	0	0	0

Phụ lục 04

KẾT QUẢ ĐÃ SỬ DỤNG KINH PHÍ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 4/2025 của UBND huyện Trà Bồng)

tim	Nội dung	02 Chương trình MTQG và Nhà ở cho NCC						Chương trình nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo						
		Tổng kinh phí	Trong đó:					Tổng kinh phí	Trong đó:					
			NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Đóng góp hộ gia đình	Huy động xã hội hóa		Nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024			Nguồn huy động		Đóng góp hộ gia đình
									NSTW	NS tỉnh	NS huyện	Huy động (TW và tỉnh)	Huy động huyện, xã	
A	B	I =2+3+4+5+6	2	3	4	5	6	7=8+9+10+11+12+13	8	9	10	11	12	13
	CHI TIẾT TỪNG CHƯƠNG TRÌNH													
I	Nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững													
II	Nhà ở thuộc Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS và MN		0	0										
III	Nhà ở thuộc Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công cách mạng và thân nhân liệt sĩ	891	891											
IV	Nhà ở thuộc Chương trình xóa nhà tạm nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo							1.579		1579				
	Tổng cộng	891	891	0	0	0	0	1.579	0	1.579	0	0	0	0